

**BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN**

Khoa: Luật

Bậc học: ĐẠI HỌC

Tên học phần: Luật Ngân hàng

Học kì:..... Năm học:.....

Địa điểm học tập: Tòa nhà D, 193 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội

Mã DS: 3071

Ngành học: Luật kinh tế

Hệ đào tạo: Đại học Chính qui

Mã học phần: CNCL25

Ngày thi: 22/11/2016

Phòng thi: P2.2

| STT | MÃ SV       | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | LỚP CN | ĐIỂM       |         |     | ĐIỂM HỌC PHẦN | GHI CHÚ |
|-----|-------------|-----------------------|------------|--------|------------|---------|-----|---------------|---------|
|     |             |                       |            |        | Chuyên cần | Giữa kỳ | Thi |               |         |
| 1   | 14A51010041 | Đào Mai Anh           | 24/05/1996 | KT1402 | 10         | 8       | 6   | 6.9           |         |
| 2   | 14A51010029 | Hoàng Thị Vân Anh     | 24/10/1995 | KT1402 | 10         | 8       | 6   | 6.9           |         |
| 3   | 14A51010003 | Nguyễn Gia Huy        | 01/06/1995 | KT1402 | 10         | 8       | 5   | 6.2           |         |
| 4   | 14A51010072 | Phạm Thị Huyền Linh   | 22/11/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 5   | 14A51010025 | Cao Việt Nhật         | 09/12/1994 | KT1402 | 10         | 6       | 6   | 6.6           |         |
| 6   | 14A51010061 | Bùi Bích Phượng       | 29/06/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 4   | 5.4           |         |
| 7   | 14A51010014 | Nguyễn Thị Thuý Quỳnh | 10/08/1996 | KT1402 | 10         | 6       | 7   | 7.3           |         |
| 8   | 14A51010069 | Bùi Văn Thành         | 20/09/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 9   | 14A51010009 | Đoàn Phương Thảo      | 09/08/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 5   | 6.1           |         |
| 10  | 14A51010105 | Lương Thị Hiền Thục   | 01/05/1995 | KT1402 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 11  | 14A51010005 | Phạm Thị Kiều Trang   | 04/10/1996 | KT1402 | 10         | 9       | 9   | 9.2           |         |
| 12  | 14A51010076 | Tạ Thị Trang          | 08/03/1996 | KT1402 | 10         | 8       | 8   | 8.3           |         |
| 13  | 14A51010034 | Đinh Thị Kiều Trinh   | 07/05/1996 | KT1402 | 10         | 8       | 6   | 6.9           |         |
| 14  | 14A51010073 | Hoàng Thị Tuyết Tuyết | 02/08/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 15  | 14A51010052 | Bùi Thanh Tùng        | 20/06/1996 | KT1402 | 10         | 7       | 6   | 6.8           |         |
| 16  | 14A51010020 | Đặng Thanh Tùng       | 19/07/1996 | KT1402 | 10         | 6       | 7   | 7.3           |         |
| 17  | 14A51010074 | Nguyễn Văn Tùy        | 08/06/1996 | KT1402 | 10         | 8       | 7   | 7.6           |         |
| 18  | 14A51010070 | Nguyễn Thị Yến        | 15/05/1995 | KT1402 | 10         | 8       | 7   | 7.6           |         |
| 19  | 14A51010094 | Trần Thị Hải Yến      | 25/12/1995 | KT1402 | 10         | 7       | 7   | 7.5           |         |

Số SV có trong danh sách: 19 Số SV đạt yêu cầu: 19 Số SV không đạt yêu cầu: 0

**Lập biểu**

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**CHỦ NHIỆM KHOA**

Lê Quang Mạnh  
16:01:14 11/01/2017